

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2023

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Võ Thị T**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: tổ XX, ấp X, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Anh Lê Thanh N**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: tổ X, ấp X, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Thị T là nguyên đơn trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 30/10/2012. Từ năm 2013, đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lý do anh N sống

chung với người phụ nữ khác. Chị T, anh N đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Sau khi ly thân, chị T, anh N không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị Võ Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh N.

- **Về con chung:** Chị T, anh N có 02 con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 24/11/2002 và Lê Hoàng T1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay, các con chung đang sống với chị T. Con chung tên Lê Thị Bích Châm, sinh ngày 24/11/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng T1, không yêu cầu anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Theo văn bản ý kiến ghi ngày 10/01/2023 bị đơn là anh Lê Thanh N trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Anh N, chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 30/10/2012. Anh N thừa nhận đời sống hôn nhân giữa anh N, chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- **Về con chung:** Anh N, chị T có 02 con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 24/11/2002 và Lê Hoàng T1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay, các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh N đồng ý để chị T được nuôi dưỡng các con chung, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Võ Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Lê Thanh N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 2, ấp 2, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Thanh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh N kết hôn với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 30/10/2012, do đó hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi; Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ năm 2013 đến nay chị T, anh N đã sống ly thân. Sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N không thể hàn gắn. Anh N xác định đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân giữa anh N, chị T không thể hàn gắn nên anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T.

- **Về con chung:** Chị T, anh N có 02 con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 24/11/2002 và Lê Hoàng T1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay, các con chung đang sống với chị T. Con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 24/11/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng T, không yêu cầu anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 27/01/2023 con chung Lê Hoàng T1 có nguyện vọng được sống với chị T. Mặc khác, con chung Lê Hoàng T1, do chị T nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần và đi học bình thường. Do đó, giao con chung tên Lê Hoàng T1, sinh ngày 23/02/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị T là người trực tiếp nuôi con tên Lê Hoàng T1, sinh ngày 23/02/2007 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số: 0014677 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh N.

2. Về con chung: Chị Võ Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Hoàng Triệu, sinh ngày 23/02/2007. Anh Lê Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Con chung tên Lê Thị Bích Châm, sinh ngày 24/11/2002 đã trưởng thành chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0014677 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà

